| *Dành cơ quan thuế ghi* |
|---|
| Ngày nhận tờ khai: |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Mẫu số: 01-ĐK-TCT**

# TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

DÙNG CHO TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

MÃ SỐ THUẾ *Dành cho cơ quan thuế ghi*

| **1. Tên chính thức** | **2. Tên giao dịch** (nếu có) |
|---|---|
| | |

| **3. Địa chỉ trụ sở** | **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** |
|---|---|
| 3a. Số nhà, đường phố, thôn, xã: | 4a. Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: |
| 3b. Tỉnh/ Thành phố: | 4b. Tỉnh/ Thành phố: |
| 3c. Quận/ Huyện: | 4c. Quận/ Huyện: |
| 3d. Điện thoại: / Fax: | 4d. Điện thoại: /Fax:<br>E-mail: |

| **5. Quyết định thành lập** | **6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh** |
|---|---|
| 5a. Số quyết định:<br>5b. Ngày thành lập: .../...../..... | 6a. Số:<br>6b. Ngày cấp: ...../...../..... |
| 5c. Cơ quan ra quyết định: | 6c. Cơ quan cấp: |

| **7. Đăng ký xuất nhập khẩu** | **8. Ngành nghề kinh doanh chính** |
|---|---|
| ☐ Có ☐ Không | |

| **9. Ngày bắt đầu hoạt động KD:** | ..../..../..... |
|---|---|
| **10. Tổng số lao động:** | |

| **11. Vốn điều lệ** | | |
|---|---|---|
| 11a. Nguồn vốn NSNN: | Tỷ trọng: | % |
| 11b. Nguồn vốn nước ngoài: | Tỷ trọng: | % |
| 11c. Nguồn vốn khác: | Tỷ trọng: | % |

| **12. Tài khoản Ngân hàng, Kho bạc** | |
|---|---|
| 12a. Số: | Tại: |
| 12b. Số: | Tại: |

**13. Loại hình kinh tế**

| | | | |
|---|---|---|---|
| ☐ Doanh nghiệp 100% vốn NN hoạt động theo Luật DNNN | ☐ Công ty TNHH | ☐ Hợp tác xã | ☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN |
| ☐ Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài | ☐ Công ty cổ phần | ☐ Tổ hợp tác | ☐ Các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh tế khác |
| ☐ Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài | ☐ Doanh nghiệp tư nhân | ☐ Cơ quan, đơn vị sự nghiệp | ☐ Loại hình khác |
| ☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài | ☐ Công ty hợp danh | | |

| 14. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh | | 15. Năm tài chính | Áp dụng từ ngày ..../.... đến ngày ...../..... |
|---|---|---|---|
| ☐ Độc lập | ☐ Phụ thuộc | | |

| 16. Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan cấp trên trực tiếp) | 17. Thông tin chủ doanh nghiệp |
|---|---|
| 16a. Mã số thuế: | 17a. Tên chủ doanh nghiệp: |
| 16b. Tên đơn vị chủ quản: | 17b. Số CMTND của chủ DN: |
| 16c. Địa chỉ trụ sở chính: | 17c. Số điện thoại liên lạc của chủ DN: |
| Số nhà/ Đường phố: | 17d. Địa chỉ liên lạc: |
| Tỉnh/ Thành phố: | Số nhà/Đường phố: |
| Quận/ Huyện: | Tỉnh/Thành phố: |
| | Quận/Huyện: |

**18. Các loại thuế phải nộp**

☐ Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài

☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác

**19. Thông tin về các đơn vị liên quan:**

☐ Có đơn vị thành viên ☐ Có đơn vị trực thuộc ☐ Có kho hàng trực thuộc

☐ Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc ☐ Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài ☐ Có hoạt động liên danh, liên kết

**20. Thông tin khác**

| | |
|---|---|
| 20a. Tên giám đốc: | 20c. Tên kế toán trưởng: |
| 20b. Điện thoại liên lạc: | 20d. Điện thoại liên lạc: |

**21. Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có)**

☐ Sáp nhập doanh nghiệp ☐ Hợp nhất doanh nghiệp ☐ Tách doanh nghiệp ☐ Chia doanh nghiệp ☐ Khác

***Mã số thuế trước của các doanh nghiệp đó:*** ……..

**Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng**

| HỌ VÀ TÊN NGƯỜI KHAI (CHỮ IN) | Ngày .... /.... /.....<br>Chữ ký (đóng dấu) |
|---|---|
| Chức vụ: | |

*Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:*

**Mục lục ngân sách:**

| Cấp | Chương | Loại | Khoản |
|---|---|---|---|
| | | | |

| Mã ngành nghề kinh doanh chính | |
|---|---|

| Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng | ☐ Khấu trừ | ☐ Trực tiếp trên GTGT | ☐ Trực tiếp trên doanh số | ☐ Khoán | ☐ Không phải nộp thuế GTGT |
|---|---|---|---|---|---|

| Chi tiết mã loại hình kinh tế | |
|---|---|
| Nơi đăng ký nộp thuế | |

Ngày kiểm tra tờ khai: ------/--- --/---------

Người kiểm tra (ký, ghi rõ họ tên)

**Khu vực kinh tế:**

☐ Kinh tế nhà nước ☐ Kinh tế có vốn ĐTNN

☐ Kinh tế tập thể ☐ Kinh tế cá thể ☐ Kinh tế tư nhân

# HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

**1. Tên chính thức:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**2. Tên giao dịch:** Tên giao dịch hoặc tên viết tắt dùng trong giao dịch kinh doanh.

**3. Địa chỉ trụ sở:** Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị, tổ chức kinh tế. Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.

**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Nếu doanh nghiệp có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ; nếu không có thì ghi đúng địa chỉ trụ sở.

**5. Quyết định thành lập:** Quyết định thành lập của đơn vị cấp trên. Ghi rõ số quyết định, ngày ra quyết định và cơ quan quyết định.

**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy phép hoạt động khác do các cơ quan có thẩm quyền cấp được qui định trong Thông tư.

**7. Đăng ký xuất nhập khẩu:** Nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu thì đánh dấu "Có", ngược lại đánh dấu “Không”

**8. Ngành nghề kinh doanh chính:** Ghi theo giấy phép kinh doanh và ngành nghề thực tế đang kinh doanh chỉ chọn 1 ngành nghề kinh doanh chính

**9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:** Ngày bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

**10. Tổng số lao động:** Ghi tổng số lao động (người) thường xuyên tại thời điểm đăng ký, bao gồm cả lao động là người Việt Nam và người nước ngoài.

**11. Vốn điều lệ:** Ghi theo vốn điều lệ trên quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh, ghi rõ loại tiền. Phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu ghi rõ tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn.

**12. Tài khoản ngân hàng, kho bạc:** Ghi rõ số tài khoản, tên ngân hàng, kho bạc nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

**13. Loại hình kinh tế:** Doanh nghiệp tự Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

**14. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh:** Chỉ đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

**15. Năm tài chính:** Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch.

**16. Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp):** Tên, mã số thuế, địa chỉ của đơn vị cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp.

Nếu là doanh nghiệp Nhà nước độc lập thì để trống.

Nếu doanh nghiệp là thành viên của một tổng công ty hoặc công ty nào đó thì ghi tên của tổng công ty hoặc công ty chủ quản đó.

**17. Thông tin về chủ doanh nghiệp:** nếu doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp phải kê khai thông tin về người đại diện theo pháp luật của công ty bao gồm: Số CMT nhân dân của chủ doanh nghiệp, tên, số điện thoại liên lạc của chủ doanh nghiệp, địa chỉ liên lạc (Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

**18. Các loại thuế phải nộp:** Đánh dấu X vào những ô tương ứng với những sắc thuế mà doanh nghiệp phải nộp định kỳ.

**19. Thông tin về các đơn vị có liên quan:**

Đơn vị thành viên: Đơn vị thành viên của doanh nghiệp là các doanh nghiệp do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và là thành viên của doanh nghiệp. Nếu có đơn vị thành viên trực thuộc trực tiếp thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bản kê các đơn vị thành viên".

Đơn vị trực thuộc: Đơn vị trực thuộc do doanh nghiệp tự thành lập, không có tư cách pháp nhân đầy đủ. Nếu có thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị trực thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bản kê các đơn vị trực thuộc".

Kho hàng trực thuộc: kho hàng do doanh nghiệp trực tiếp quản lý, không có chức năng kinh doanh. Nếu có thì đánh dấu X vào ô "Có kho hàng trực thuộc", sau đó phải kê khai rõ vào phần "Bản kê các kho hàng trực thuộc".

Văn phòng đại diện...: Các văn phòng đại diện, giao dịch, đơn vị sự nghiệp không có chức năng kinh doanh: Nếu có thì đánh dấu X vào ô "Có văn phòng đại diện, giao dịch, đơn vị sự nghiệp trực thuộc", sau đó phải kê khai rõ vào phần "Bản kê các văn phòng đại diện, giao dịch...". Riêng các Văn phòng đại diện, giao dịch , đơn vị sự nghiệp có phát sinh nộp thuế phải kê khai vào "Bản kê các đơn vị trực thuộc".

Nhà thầu, nhà thầu phụ: Nếu doanh nghiệp có hoạt động nhà thầu, nhà thầu phụ thì đánh dấu vào đây sau đó kê khai rõ vào "Bản kê các nhà thầu phụ"

Đơn vị liên danh, liên kết : Nếu doanh nghiệp có hoạt động liên danh, liên kết thì đánh dấu vào đây sau đó kê khai rõ vào "Bản kê các đơn vị liên danh, liên kết"

**20. Thông tin khác:** Ghi rõ họ và tên, và số điện thoại liên lạc của Tổng giám đốc, Giám đốc,... và kế toán trưởng của doanh nghiệp.

**21. Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có):** Nếu doanh nghiệp đăng ký thuế do tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp trước đó thì đánh dấu vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách... và phải rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các doanh nghiệp bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia bị tách...

*******Người ký vào Tờ khai đăng ký thuế là người là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*******

**Mẫu số**
**01-ĐK-TCT-BK01**

# BẢN KÊ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| STT | Mã số thuế | Tên gọi | Số nhà, đường phố (thôn xã) | Tỉnh/thành phố | Quận/huyện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

**Mẫu số**
**01-ĐK-TCT-BK02**

# BẢN KÊ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

***(kể cả các đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện có hoạt động kinh doanh và trực tiếp kê khai nộp thuế với cơ quan thuế)***

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| STT | Mã số thuế | Tên gọi | Số nhà, đường phố (thôn xã) | Tỉnh/thành phố | Quận/huyện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

**Mẫu số**
**01-ĐK-TCT-BK03**

# BẢN KÊ

**CÁC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG GIAO DỊCH, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC**

***(Không hoạt động kinh doanh, không kê khai nộp thuế với cơ quan thuế)***

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| STT | Tên gọi | Số nhà, đường phố (thôn xã) | Tỉnh/thành phố | Quận/huyện |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

**Mẫu số**
**01-ĐK-TCT-BK04**

# BẢN KÊ KHO HÀNG TRỰC THUỘC

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| STT | Tên gọi | Địa chỉ | Tỉnh/thành phố | Quận/huyện |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

**Mẫu số 01-ĐK-TCT-BK05**

# BẢN KÊ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN DANH, LIÊN KẾT

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| STT | Mã số thuế | Tên gọi | Số nhà, đường phố (thôn xã) | Tỉnh/thành phố | Quận/huyện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

**Mẫu số 01-ĐK-TCT-BK06**

# BẢN KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| STT | Tên Nhà thầu nước ngoài | Quốc tịch | Mã số ĐTNT tại Việt Nam (nếu có) | Mã số ĐTNT tại nước ngoài (nếu có) | Số hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Địa điểm thực hiện | Số lượng lao động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với bên Việt Nam | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| B | Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài bên Việt Nam nộp hộ thuế | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

**Mẫu số 01-ĐK-TCT-BK07**

# BẢN KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

| S TT | Tên Nhà thầu phụ | Quốc tịch | Mã số ĐTNT tại Việt Nam (nếu có) | Mã số ĐTNT tại nước ngoài (nếu có) | Số hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Địa điểm thực hiện | Số lượng lao động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |